

DANH SÁCH CHI LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG THÁNG 11 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương										Thành tiền	Trừ 10,5 BH		Thực lĩnh	Ghi chú
			LCB	PCVK	PC CV	HSCLB L	PC TN	PCTN ngành		PCUB	Cộng HS	Hệ số		Thành tiền			
								%	HS								
I	Biên chế																
1	Trần Thị Minh Huệ	Hiệu trưởng	5,70		0,50				32%	1,984	2,170	10,354	24.228.400	0,859	2.010.800	22.217.600	
2	Phạm Thị Thúy Phương	PHT	4,00		0,40				12%	0,528	1,540	6,468	15.135.100	0,517	1.210.800	13.924.300	
3	Hoàng Hải Hà	GV, TP tổ 1	4,00		0,40				15%	0,660	1,540	6,600	15.444.000	0,531	1.243.200	14.200.800	
4	Trần Thị Thu Hằng	K1, IT tổ VP	4,98	0,398	0,20		0,10					5,678	13.287.500	0,586	1.370.600	11.916.900	
5	Lê Thị Chuyên	Giáo viên	5,36						31%	1,662	1,876	8,898	20.820.400	0,737	1.725.200	19.095.200	
6	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Giáo viên	5,36						31%	1,662	1,876	8,898	20.820.400	0,737	1.725.200	19.095.200	
7	Vũ Thị Hương Giang	Giáo viên	5,02						25%	1,255	1,757	8,032	18.794.900	0,659	1.541.800	17.253.100	
8	Hoàng Thị Nữ	GV, TT tổ 2	5,02		0,20				28%	1,462	1,827	8,509	19.910.100	0,702	1.641.700	18.268.400	
9	Nguyễn Minh Nguyệt	GV, TT tổ 4	5,02		0,20				28%	1,462	1,827	8,509	19.910.100	0,702	1.641.700	18.268.400	
10	Tô Thị Bích Liên	GV, TT tổ 1	5,36		0,20				30%	1,668	1,946	9,174	21.467.200	0,759	1.775.900	19.691.300	
11	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GV, LP tổ NKTC	4,32		0,15				21%	0,939	1,565	6,973	16.317.300	0,568	1.328.900	14.988.400	
12	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Giáo viên	4,68						20%	0,936	1,638	7,254	16.974.400	0,590	1.379.900	15.594.500	
13	Hoàng Thị Tuyết	NVTB	3,34					0,2				3,540	8.283.600	0,351	820.600	7.463.000	
14	Phạm Thị Hào	GV, TP tổ 4	4,68		0,15				27%	1,304	1,691	7,825	18.309.600	0,644	1.507.100	16.802.500	
15	Nguyễn T Thanh Hằng	Giáo viên	4,34						20%	0,868	1,519	6,727	15.741.200	0,547	1.279.600	14.461.600	
16	Phùng Thị Luyến	Giáo viên	4,00		0,15				13%	0,540	1,453	6,142	14.372.300	0,492	1.152.200	13.220.100	
17	Nguyễn Thị Thúy Chiêu	Giáo viên	4,00		0,15				13%	0,540	1,453	6,142	14.372.300	0,492	1.152.200	13.220.100	
18	Nguyễn Thị Thu Thủy	Giáo viên	4,00						13%	0,520	1,400	5,920	13.852.800	0,475	1.110.600	12.742.200	
19	Phạm Thị Thái Hằng	Giáo viên	4,00						12%	0,480	1,400	5,880	13.759.200	0,470	1.100.700	12.658.500	
20	Phạm Thị Thúy Nga	GV TPT	4,00						12%	0,480	1,400	5,880	13.759.200	0,470	1.100.700	12.658.500	
21	Dư Thị Trang	GV, TP tổ 2	3,66		0,15				13%	0,495	1,334	5,639	13.194.800	0,452	1.057.800	12.137.000	
22	Phạm Thị Thanh Thủy	Giáo viên	4,34						20%	0,868	1,519	6,727	15.741.200	0,547	1.279.600	14.461.600	
23	Lê Thị Hằng	Giáo viên	4,68						27%	1,264	1,638	7,582	17.740.900	0,624	1.460.300	16.280.600	



24	Lê Văn Tú	Giáo viên	4,00					18%	0,720	1,400	6,120	14.320.800	0,496	1.159.700	13.161.100
25	Nguyễn Thị Ngát	Giáo viên	4,00					13%	0,520	1,400	5,920	13.852.800	0,475	1.110.600	12.742.200
26	Đỗ Thị Thanh Mai	Giáo viên	4,00					11%	0,440	1,400	5,840	13.665.600	0,466	1.090.900	12.574.700
27	Lê Thị Mai Quyên	Giáo viên	4,00					11%	0,440	1,400	5,840	13.665.600	0,466	1.090.900	12.574.700
28	Trần Hoài Giang	GV, TP tổ 5	4,00	0,20				10%	0,420	1,470	6,090	14.250.600	0,485	1.135.100	13.115.500
29	Bùi Thị Tuyết	Giáo viên	3,33					11%	0,366	1,166	4,862	11.376.600	0,388	908.200	10.468.400
30	Phạm Thị Thanh Hương	GV, TP tổ 3	3,66	0,20				13%	0,502	1,351	5,713	13.368.000	0,458	1.071.700	12.296.300
31	Trần Thị Ngọc Hường	Giáo viên	3,33					17%	0,566	1,166	5,062	11.844.100	0,409	957.300	10.886.800
32	Nguyễn Thị Thu	Giáo viên	3,33					10%	0,333	1,166	4,829	11.298.700	0,385	900.000	10.398.700
33	Ngô Thị Thủy Hằng	VT-TQ	2,86		0,1						2,960	6.926.400	0,300	702.700	6.223.700
34	Phạm Thị Huyền Trang	Giáo viên	3,33					10%	0,333	1,166	4,829	11.298.700	0,385	900.000	10.398.700
35	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Giáo viên	3,00					9%	0,270	1,050	4,320	10.108.800	0,343	803.400	9.305.400
36	Vũ Thị Hương	Giáo viên	3,00					10%	0,300	1,050	4,350	10.179.000	0,347	810.800	9.368.200
37	Nguyễn Thị Minh Thúy	Giáo viên	3,00					7%	0,210	1,050	4,260	9.968.400	0,337	788.700	9.179.700
38	Trần Thị Thủy	Giáo viên	3,00	0,03				10%	0,300	1,050	4,380	10.249.200	0,350	818.200	9.431.000
39	Dương Thị Hiệu	Giáo viên	2,67					13%	0,347	0,935	3,952	9.246.700	0,317	741.300	8.505.400
40	Lê Thị Hoàn	Giáo viên	2,67		0,05			20%	0,534	0,935	4,189	9.801.100	0,342	799.500	9.001.600
41	Trịnh Thị Thu Trang	Giáo viên	3,00	0,15				7%	0,221	1,103	4,473	10.466.800	0,354	828.100	9.638.700
42	Phạm Thị Bích Ngọc	Giáo viên						7%	0,000	0,000	0,000	0	0,000	0	0
43	Nguyễn Thị Hải	Giáo viên	2,67					6%	0,160	0,935	3,765	8.809.400	0,297	695.400	8.114.000
44	Trịnh Thị Hà	Giáo viên	2,67					6%	0,160	0,935	3,765	8.809.400	0,297	695.400	8.114.000
45	Đặng Thị Cẩm	Giáo viên	3,33					12%	0,400	1,166	4,895	11.454.500	0,392	916.400	10.538.100
46	Lương Minh Chi	Giáo viên	2,67					5%	0,134	0,935	3,738	8.746.900	0,294	688.800	8.058.100
47	Lê Thị Vân	Giáo viên	2,34	0,07				5%	0,117	0,819	3,346	7.829.600	0,265	620.900	7.208.700
48	Trần Thị Hiếu	Giáo viên	2,34	0,07				5%	0,117	0,819	3,346	7.829.600	0,265	620.900	7.208.700
49	Nguyễn Mai Thương	Giáo viên	2,67	0,20				9%	0,258	1,005	4,133	9.670.800	0,328	768.600	8.902.200
50	Tạ Diệu Anh	Giáo viên	2,34		0,07					0,819	3,229	7.555.900	0,253	592.100	6.963.800
51	Vũ Kiều Trang	Giáo viên	2,34		0,07					0,819	3,229	7.555.900	0,253	592.100	6.963.800
52	Đỗ Thị Thu Hà	Giáo viên	2,67							0,935	3,605	8.434.500	0,280	656.000	7.778.500
53	Hoàng Thị Thanh Xuân	Giáo viên	2,67							0,935	3,605	8.434.500	0,280	656.000	7.778.500

54	Nguyễn Quỳnh Anh	Giáo viên	2,67									0,935	3,605	8.434.500	0,280	656.000	7.778.500
55	Nguyễn Thị Nhân	Giáo viên	5,02								26%	1,305	8,082	18.912.300	0,664	1.554.100	17.358.200
56	Đông Thị Hương	Giáo viên	3,66								13%	0,476	5,417	12.675.300	0,434	1.016.200	11.659.100
57	Phạm Thị Diệp	Giáo viên	3,00								10%	0,300	4,350	10.179.000	0,347	810.800	9.368.200
58	Trần Tô Mai Phương	Giáo viên	2,67									0,935	3,605	8.434.500	0,280	656.000	7.778.500
59	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Giáo viên										0,000	0,000	0	0,000	0	0
60	Trần Khánh Linh	Giáo viên	2,34									0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200
61	Đỗ Minh Ngọc	Giáo viên	2,34									0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200
62	Đinh Thị Mỹ Phương	Giáo viên	2,34									0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200
63	Lê Thùy Trang	Giáo viên	2,34									0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200
64	Đào Thị Linh Đan	Giáo viên	2,34									0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200
65	Phạm Huyền Linh	Giáo viên	2,34									0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200
66	Lê Thị Minh Tâm	Giáo viên	2,67								10%	0,267	3,872	9.059.300	0,308	721.600	8.337.700
67	Trương Thị Chinh	Giáo viên	3,00									1,050	4,050	9.477.000	0,315	737.100	8.739.900
68	Nguyễn Thị Minh Thảo	Giáo viên	2,34									0,819	3,159	7.392.100	0,246	574.900	6.817.200
69	Nguyễn Thị Thu Huyền	Giáo viên	2,34							0,30		0,819	3,459	8.094.100	0,246	574.900	7.519.200
	Cộng biên chế		234,160	0,398	3,600	0,360	0,70					32,090	79,233	820.266.500	28,414	66.487.800	753.778.300
II	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo ND 111/2022/ND-CP		43.200.000											52.800.000		4.536.000	48.264.000
1	Bùi Xuân Thuận	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000
2	Hoàng Thị Thu Hằng	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000
3	Hứa Linh Chi	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000
4	Nguyễn Thị Văn Anh	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000
5	Nguyễn Quỳnh Châm	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000
6	Trần Thị Ánh Nguyệt	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000
7	Lê Bùi Thanh Thúy	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000
8	Đỗ Thị Thu Hương	Giáo viên	5.400.000									1.200.000		6.600.000		567.000	6.033.000

III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo ND 111/2022/ND-CP		19.960.000															19.960.000	2.095.800	17.864.200	
1	Ngô Ngọc Vân	Lao công	5.000.000															5.000.000	525.000	4.475.000	
2	Lương Thị Hồi	Lao công	4.960.000															4.960.000	520.800	4.439.200	
3	Lương Quốc Việt	BV	5.000.000															5.000.000	525.000	4.475.000	
4	Vũ Văn Biên	BV	5.000.000															5.000.000	525.000	4.475.000	
	Tổng cộng																	893.026.500	73.119.600	819.906.900	

Ngày tháng 11 năm 2025

Kế toán

Hiệu trưởng



Trần Thị Thu Hằng

Trần Thị Minh Huệ